

Số: 78 /QĐ-STTTT

Hà Nam, ngày 06 tháng 10 năm 2016

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp**  
**Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008**

**GIÁM ĐỐC SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG TỈNH HÀ NAM**

Căn cứ quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ tính hiệu quả trong việc xây dựng, áp dụng và cải tiến thường xuyên hiệu lực Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008;

Theo đề nghị của Đại diện lãnh đạo về chất lượng,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố Hệ thống quản lý chất lượng tại Sở Thông tin và Truyền thông phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 theo quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ đối với các lĩnh vực hoạt động trong Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký

**Điều 3.** Ban chỉ đạo ISO, Văn phòng sở, các đơn vị thuộc, trực thuộc Sở Thông tin và Truyền thông Hà Nam thường xuyên triển khai áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo phạm vi đã công bố, chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3 (để thực hiện);
- Sở KH&CN (để b/c);
- Lưu: VT.

**GIÁM ĐỐC**



**Đỗ Thị Nguyệt Tú**



Phụ lục

**MỤC HOẠT ĐỘNG CỦA SỞ ĐƯỢC CÔNG BỐ PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN QUỐC GIA TCVN ISO 9001:2008**

theo Quyết định số 13/QĐ-STTTT ngày 06 tháng 10 năm 2016 của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông)

STT	Tên tài liệu
1.	Chính sách chất lượng
2.	Mục tiêu chất lượng
3.	Sổ tay chất lượng
4.	Quy trình kiểm soát tài liệu
5.	Quy trình kiểm soát hồ sơ
6.	Quy trình đánh giá nội bộ
7.	Quy trình kiểm soát sự không phù hợp
8.	Quy trình thực hiện hành động khắc phục
9.	Quy trình thực hiện hành động phòng ngừa
10.	Cho phép thành lập và hoạt động của cơ quan đại diện, phóng viên thường trú ở trong nước của các cơ quan báo chí
11.	Cho phép tổ chức họp báo (trong nước)
12.	Cho phép cơ quan, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam họp báo
13.	Trung bày tranh, ảnh và các hình thức thông tin khác bên ngoài trụ sở cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài
14.	Cho phép cơ quan, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam đăng tin, bài phát biểu trên phương tiện thông tin đại chúng của địa phương
15.	Cho phép cơ quan, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam phát hành thông cáo báo chí
16.	Cấp giấy phép xuất bản bản tin
17.	Cấp giấy phép hoạt động in
18.	Cấp lại giấy phép hoạt động in
19.	Đăng ký hoạt động cơ sở in
20.	Thay đổi thông tin hoạt động cơ sở in
21.	Cấp giấy phép chế bản, in, gia công sau in cho nước ngoài
22.	Cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm
23.	Cấp lại giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm
24.	Cấp đổi giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm
25.	Đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm

26.	Cấp giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài
27.	Cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh
28.	Cấp giấy phép tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm
29.	Cấp giấy xác nhận đăng ký sử dụng máy photocopy màu, máy in có chức năng photocopy màu
30.	Xác nhận chuyển nhượng máy photocopy màu, máy in có chức năng photocopy màu
31.	Cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh
32.	Cấp đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh
33.	Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh
34.	Cấp giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp
35.	Sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp
36.	Gia hạn giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp
37.	Cấp lại giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp
38.	Cấp giấy phép bưu chính nội tỉnh
39.	Sửa đổi, bổ sung giấy phép bưu chính nội tỉnh
40.	Cấp lại giấy phép bưu chính nội tỉnh hết hạn
41.	Cấp lại giấy phép bưu chính nội tỉnh khi mất hoặc hư hỏng không sử dụng được
42.	Xác nhận thông báo hoạt động bưu chính
43.	Cấp lại văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được
44.	Thông báo thời gian chính thức cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng
45.	Thông báo thay đổi trụ sở chính nhưng vẫn trong cùng một tỉnh, thành phố, văn phòng giao dịch, địa chỉ cho thuê máy chủ của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng
46.	Thông báo thay đổi phần vốn góp dẫn đến thay đổi thành viên góp vốn (hoặc cổ đông) có phần vốn góp từ 30% vốn điều lệ trở lên của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng
47.	Thông báo thời gian chính thức cung cấp trò chơi điện tử trên mạng
48.	Thông báo thay đổi phương thức, phạm vi cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng đã được phê duyệt
49.	Thông báo thời gian chính thức bắt đầu cung cấp trò chơi G2, G3, G4 trên mạng cho công cộng

50.	Thông báo thay đổi tên miền trang thông tin điện tử (trên Internet), kênh phân phối trò chơi (trên mạng viễn thông di động), thẻ loại trò chơi (G2, G3, G4)
51.	Thông báo thay đổi phần vốn góp dẫn đến thay đổi thành viên góp vốn (hoặc cổ đông) có phần vốn góp từ 30% vốn điều lệ trở lên của doanh nghiệp đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng
52.	Ban hành tờ trình kèm theo dự thảo văn bản trình UBND tỉnh ban hành
53.	Tham mưu dự thảo báo cáo
54.	Tiến hành thực hiện một cuộc thanh tra
55.	Lập tờ trình
56.	Góp ý dự thảo văn bản
57.	Tham mưu ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngành Thông tin và Truyền thông
58.	Quy trình mua hàng, mua sắm máy móc thiết bị, vật tư văn phòng phẩm